UBND TỈNH HÀ NAM **SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 188/QĐ-SNN	*Hà Nam, ngày 11 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai kinh phí CTMT năm 2019 của Sở NN&PTNT Hà Nam

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam v/v phân bổ kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu năm 2019 cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu kinh phí chương trình mục tiêu năm 2019 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nam *(theo biểu đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính Hà Nam;
- Ban GĐ (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu KH-TC,VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÀ NAM

Nguyễn Minh Tiến

Biểu số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nam

Chương: 412

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ BỔ SUNG CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2019

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐVT: triệu đồng

STT		Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Chi cục Phát triển NT	...
A	**Dự toán thu**				
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
1	***Số thu phí, lệ phí***				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
2	***Chi từ nguồn thu phí được để lại***				
2.1	Chi hoạt động kinh tế				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý nhà nước				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	***Số phí, lệ phí nộp NSNN***				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**1.000**	**1.000**	**1.000**	
1	***Chi quản lý nhà nước (460-463)***				
1.1	*Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ*				
1.2	*Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ*				
2	***Chi hoạt động kinh tế ...***				
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	***Chi trương trình mục tiêu***	***1.000***	***1.000***	***1.000***	
3.1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
3.2	Chi chương trình mục tiêu	1.000	1.000	1.000	